TOÀ ÁN NHÂN DÂN TPTN
Tỉnh Thái Nguyên

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 77 /2017/HNGĐ-ST
Ngày: 28/ 12 /2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TP THÁI NGUYÊN TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Mai Thị Hồng Thái

Các Hội thẩm nhân dân :

1. Ông: Trần Tuấn Hưởng
2. Bà: Hà Thị Dung

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Phan Thị Quyên - Cán bộ Toà án nhân dân TP Thái Nguyên tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên: Không tham gia phiên tòa

Ngày 28/12/ 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 667/2017/TLST-HNGĐ ngày 16/10/2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2017/QĐXX ST- HNGĐ ngày 01/12/2017 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn**: Chị Nông Thị T, sinh năm 1991;

HKTT: xóm V K, xã L T, huyện N R, tỉnh B K.

Hiện công tác tại xưởng GL, khu l k 1, Công ty S S, P Y,

tỉnh Thái Nguyên. (Có mặt tại phiên tòa)

*** Bị đơn**: Anh Nguyễn Hải N, sinh năm 1989;

HKTT và trú tại: xóm T S 1, xã Q T, thành phố T H.

(Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai và tại phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn chị Nông Thị T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Hải N kết hôn năm 2012, có trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, không bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Quyết Thắng, thành phố Thái Nguyên. Quá trình chung sống vợ chồng sinh được 1 con trai là Nguyễn Nhật M, sinh ngày 09/12/2012 hiện con chung đang ở với anh N và bố mẹ đẻ anh N. Tài sản chung, nợ chung chị và anh N không có.

Lý do chị xin ly hôn anh N do anh N không chịu tu chí làm ăn, chơi bời nợ nần nhiều không quan tâm đến gia đình,nhiều lần chị khuyên can nhắc nhở anh N nhưng anh N không sửa chữa, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, nhiều lần vợ chồng xảy ra cãi nhau, đến nay không thể đoàn tụ được, chị đã ra khỏi nhà anh N và đi thuê chỗ ở khác để tách biệt cuộc sống chung vợ chồng từ giữa năm đến nay, hiện con chung vẫn ở với anh N và bố mẹ đẻ anh N.

Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được chị xin được ly hôn anh N để giải phóng cho nhau.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Nhật M, sinh ngày 09/12/2012 khi ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án giải quyết anh Nguyễn Hải N khai: anh công nhận về thời gian kết hôn năm 2012 do hai bên tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Quyết Thắng, thành phố Thái Nguyên. Quá trình chung sống vợ chồng sinh được 1 con chung là Nguyễn Nhật M, sinh ngày 09/12/2012. Tài sản chung, nợ chung không có đúng như chị Nông Thị T khai.

Lý do chị T xin ly hôn anh do chị T tự ý bỏ nhà ra đi, vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, chị T bỏ đi khỏi nhà không nói cho anh biết chị đi thuê nhà ở đâu, anh có đi tìm chị T nhưng không nắm rõ địa chỉ nơi chị ở nên không tìm được chị. Anh xác định mâu thuẫn vợ chồng có nhưng không lớn, anh vẫn còn yêu thương chị T, nay chị T xin được ly hôn anh, anh không nhất trí ly hôn vì anh vẫn yêu thương chị T. Do anh không nhất trí ly hôn chị T nên anh không có quan điểm gì về con chung, tài sản chung.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải các đương sự để các đương sự về đoàn tụ gia đình, cùng nhau nuôi dạy con chung nhưng các bên không hòa giải được vì vậy Tòa án đưa ra xét xử công khai ngày hôm nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, , căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1.] **Về tố tụng:** Đây là vụ kiện tranh chấp về Hôn nhân gia đình do chị Nông Thị T có đơn khởi kiện ly hôn anh Nguyễn Hải N căn cứ khoản 1, Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 là vụ việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên.

[2.] **Về nội dung:**

Chị Nông Thị T và anh Nguyễn Hải N kết hôn năm 2012 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu nhau và được đăng ký kết hôn tại UBND xã Q T, thành phố T H như vậy là hôn nhân hợp pháp.

Về quan hệ hôn nhân theo chị T trình bày nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do anh N không tu chí làm ăn, không quan tâm đến gia đình, thường xuyên đàn đúm bạn bè nợ nần nhiều nên vợ chồng luôn xảy ra cãi nhau, chị đã bỏ nhà thuê ra ngoài ở và sống ly thân anh N từ tháng 5/2017 đến nay, chị T xác định không còn tình cảm vợ chồng, chị xin ly hôn anh N để ổn định cuộc sống.

Phía anh N xác định do có mâu thuẫn vợ chồng nên chị T đã tự ý đi khỏi nhà anh từ tháng 6/2017, chị T ra ngoài thuê nhà ở không cho anh biết địa chỉ nơi ở, anh xác định mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức ly hôn, anh đi tìm chị nhưng không biết địa chỉ cụ thể chị đang ở đâu, vợ chồng sống ly thân từ thời gian đó đến nay, việc chị T bỏ đi, không phải lỗi của anh vì vậy chị T làm đơn xin ly hôn anh không nhất trí ly hôn. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T, HĐXX thấy rằng: Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh N là do bất đồng quan điểm sống, anh N và chị T sống với nhau không có sự quan tâm chia sẻ với nhau những công việc gia đình và những lo toan trong cuộc sống như vậy vợ chồng sống với nhau không tin tưởng nhau, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn, chị T đã ra khỏi nhà anh N chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, xét thấy nếu duy trì cuộc sống hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai bên vì vậy HĐXX chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của chị T, cho chị T được ly hôn anh N là phù hợp với thực tế và phù hợp với Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Về con chung: Chị T và anh N đều xác định có 01 con chung là Nguyễn Nhật M, sinh ngày 09/12/2012 và đều có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi con chung.

Xét nguyện vọng được nuôi con chung của chị T và anh N đều có quyền ngang nhau, nhưng hiện con còn nhỏ cần có sự chăm sóc chu đáo của người mẹ, để đảm bảo tâm lý của trẻ và quyền lợi về mọi mặt cho con sau khi cha mẹ ly hôn cần giao con chung Nguyễn Nhật M cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi con chung trưởng thành hoặc đến khi các bên có sự thay đổi khác là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Anh N có quyền đi lại thăm nom con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T và anh N không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết, khi có yêu cầu giải quyết phần cấp dưỡng nuôi con thì các đương sự khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

Về tài sản chung, nợ chung: Các bên đều xác định không có nên Tòa án không giải quyết.

Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Luật phí, lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 ; Nghị quyết 326/2016/NQ – HĐTP ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm vào Ngân sách nhà nước.

Vì các lẽ trên, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: khoản 1, Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 143; 146; 147, 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,

- Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;
- Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Nông Thị T, cho chị Nông Thị T được ly hôn anh Nguyễn Hải N.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Nhật M, sinh ngày 09/12/2012 cho chị Thủy trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi các bên có sự thay đổi khác. Anh N có quyền đi lại, thăm nom con chung.

* Về cấp dưỡng nuôi con: Tòa án không giải quyết do các đương sự không yêu cầu.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Tòa án không giải quyết .

4. Về án phí: Chị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm vào Ngân sách nhà nước, được chuyển từ tiền tạm ứng án phí sang, theo biên lai thu số **0005594 ngày 16 / 10 /2017** của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị T vắng mặt anh N báo cho các bên đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh N vắng mặt kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặ bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương.

Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên có quyền kháng nghị bản án trong hạn 15 ngày, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị bản án trong hạn 30 ngày kể từ ngày Tòa tuyên bản án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Mai Thị Hồng Thái

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TN
- VKSND TPTN
- Chi cục THADS TPTN
- Các đ- ơng sự;
-UBND xã Q T, TPTH;
- L- u HS; BP

HỘI THẨM NHÂN DÂN **CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Mai Thị Hồng Thái

HỘI THẨM NHÂN DÂN **CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**